KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 của năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 2/2010	Lũy kế từ đầu năm	Quý 2/2009	Lũy kế từ đầu năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	63.027.337.207	120.987.185.212	83.812.781.644	155.676.542.248
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	-	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		63.027.337.207	120.987.185.212	83.812.781.644	155.676.542.248
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34.726.517.620	66.330.911.014	53.375.160.339	106.083.418.162
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.300.819.587	54.656.274.198	30.437.621.305	49.593.124.086
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8.589.549.305	15.107.610.337	7.834.398.140	13.229.786.121
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.587.652.657	4.291.159.421	1.467.821.433	2.444.852.255
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*2.031.744.571*	*3.475.170.098*	*1.030.077.130*	*1.732.624.657*
8. Chi phí bán hàng	24		6.838.165.189	12.224.750.801	*9.176.234.134*	14.010.747.699
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.063.499.613	6.179.059.272	3.687.748.577	7.239.749.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [=20+(21-22)-(24+25)]	30		24.401.051.433	47.068.915.041	23.940.215.301	39.127.560.974
11. Thu nhập khác	31		28.656.567	32.292.931	223.545.407	297.745.007
12. Chi phí khác	32		222.258.980	222.259.380	286.901.684	286.902.184
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		-193.602.413	-189.966.449	-63.356.277	10.842.823
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.207.449.020	46.878.948.592	23.876.859.024	39.138.403.797
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	6.081.141.800	10.048.999.913	4.236.664.761	6.889.992.164
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	-	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 50 - 51 - 52)	60		18.126.307.220	36.829.948.679	19.640.194.263	32.248.411.633
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.511	3.069	1.637	2.687